



TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

THÁNG MỘT NĂM 2022

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Lúa đông xuân

1.909,8

nghìn ha

▲ 4,9%

Diện tích gieo trồng lúa và hoa màu tính đến 15/01/2022

Ngô

143,9

nghìn ha

▼ 0,7%

Lạc

29,2

nghìn ha

▲ 2,4%

Khoai lang

30,9

nghìn ha

▼ 8,2%

Rau đậu

300,5

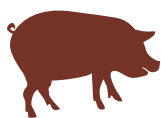
nghìn ha

▲ 2,1%



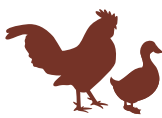
Số lượng gia súc, gia cầm cuối tháng 01/2022 so với cùng thời điểm năm trước

▲ 1,8%



Lợn

▲ 1,9%



Gia cầm

▼ 2,2%



Trâu

▲ 0,9%



Bò

Sản lượng thủy sản tháng 01/2022

Nuôi trồng

321,3

nghìn tấn

▲ 2,5%

TỔNG SỐ

589,9

nghìn tấn

▲ 1,6%

Khai thác

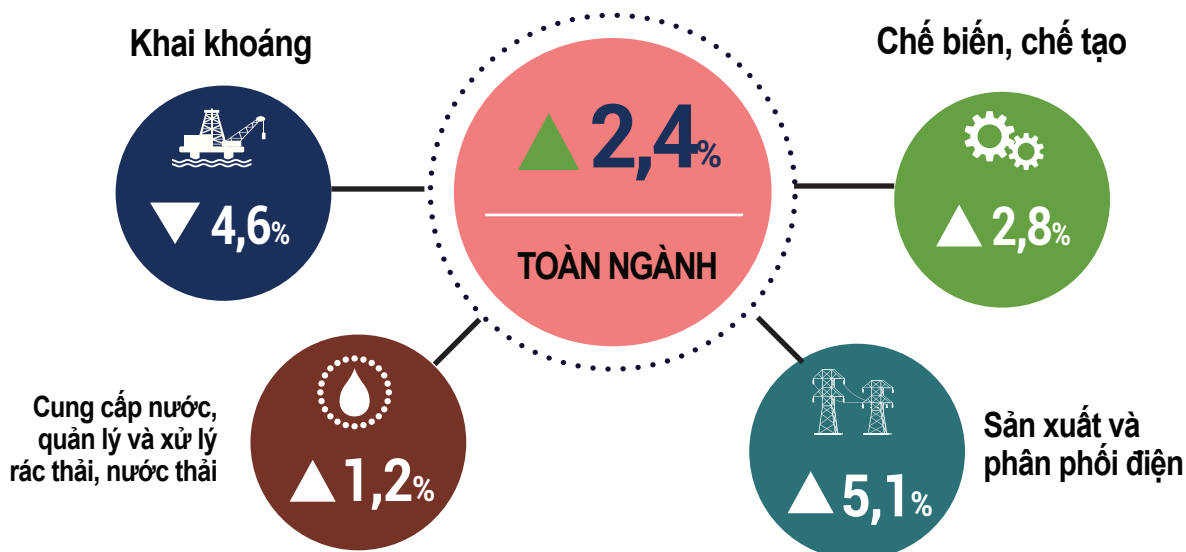
268,6

nghìn tấn

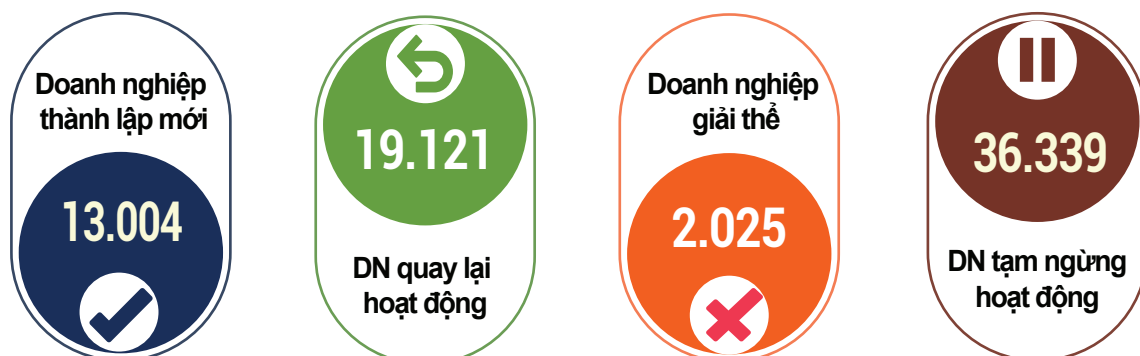
▲ 0,6%

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THÁNG 01/2022

Tốc độ tăng/giảm Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ năm trước

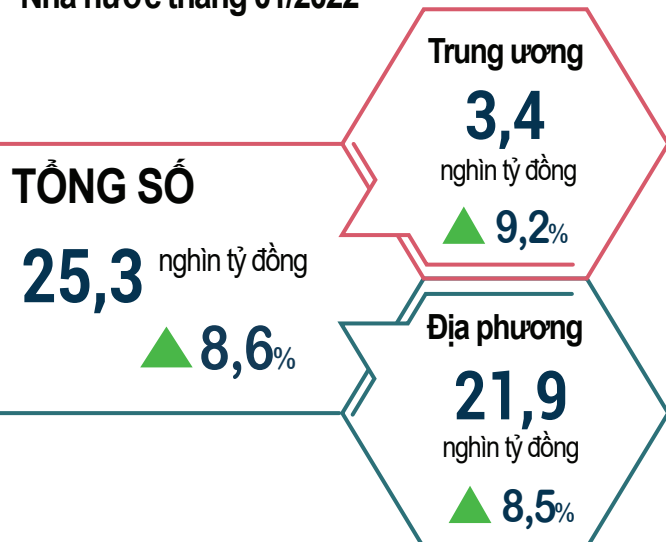


TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP THÁNG 01/2022

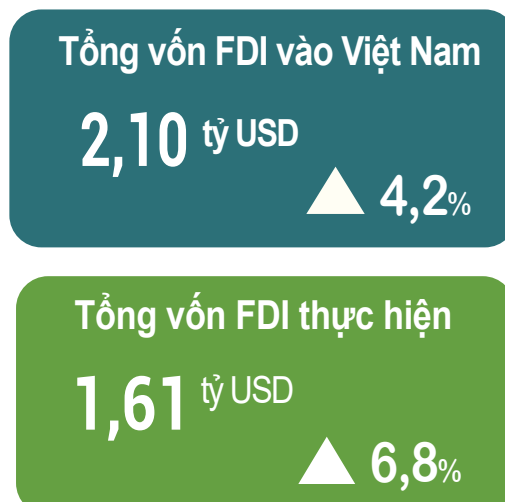


HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

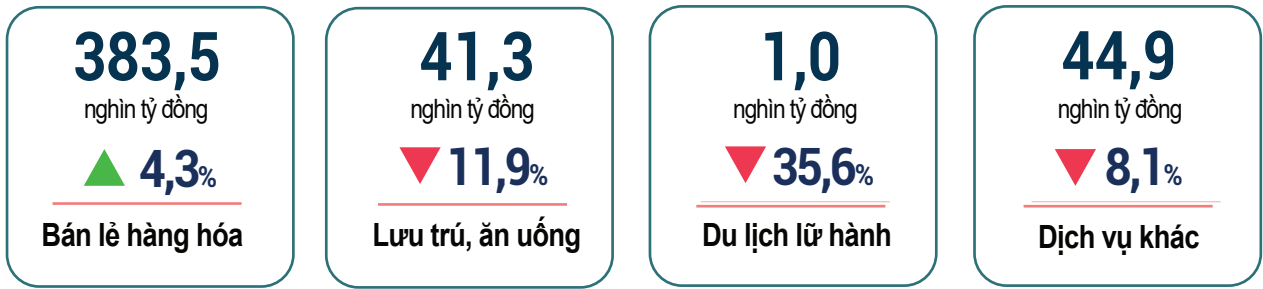
Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 01/2022



Đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam từ 01/01-20/01/2022



TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG Tháng 01/2022

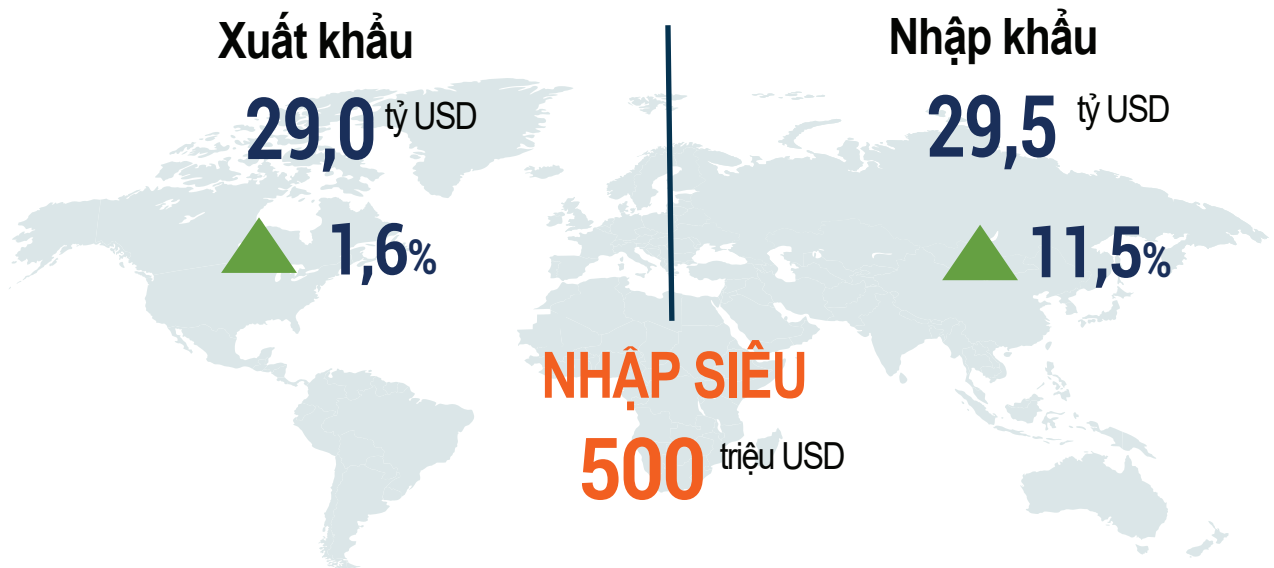


TỔNG SỐ

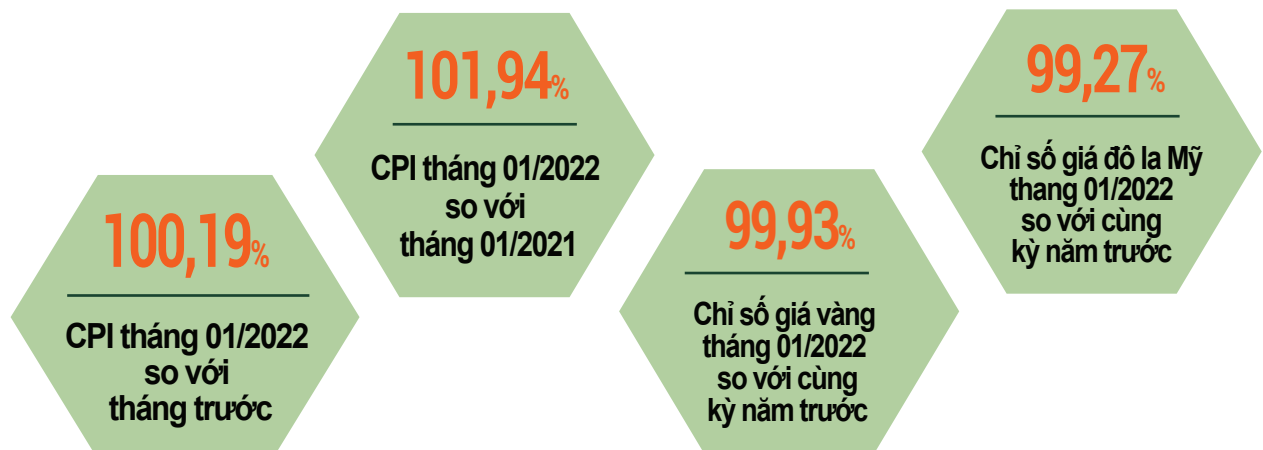
470,7 nghìn tỷ đồng

▲ 1,3%

XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA THÁNG 01/2022



CHỈ SỐ GIÁ



VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA THÁNG 01/2022

Vận tải hành khách

Vận chuyển

165,3 triệu lượt khách ▼ 54,0%

Luân chuyển

6,0 tỷ khách.km ▼ 61,4%



Vận tải hàng hóa

Vận chuyển

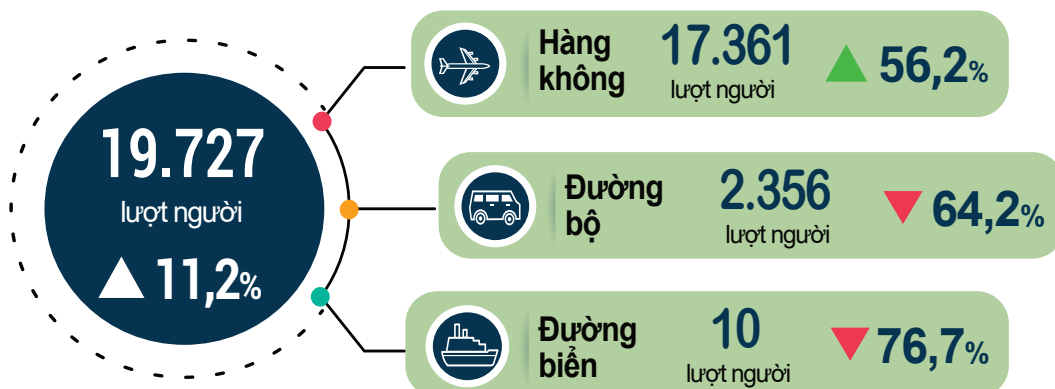
157,9 triệu tấn ▼ 8,9%

Luân chuyển

32,3 tỷ tấn.km ▲ 1,6%



KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM THÁNG 01/2022



Phân theo vùng lãnh thổ (Lượt người)

Châu Á
13.847

Châu Âu
4.337

Châu Mỹ
1.226

Châu Úc
237

Châu Phi
80

TAI NẠN GIAO THÔNG THÁNG 01/2022

Số vụ tai nạn
(từ ít nghiêm trọng trở lên)

687

Bình quân 1 ngày

22

Vụ

Số người chết

565

Bình quân 1 ngày

18

người

Số người bị thương

336

Bình quân 1 ngày

11

người